

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CAO
SU THỐNG NHẤT
DN: C=VN, S=BÀ RỊA-VŨNG TÀU, L=Tp. Bà
Rịa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU
THỐNG NHẤT,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
3500100424
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.04.18 13:29:11
Foxit Reader Version: 9.7.1

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: Định kỳ.

III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Báo cáo tài chính quý I năm 2022.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Bà Rịa, ngày 18 tháng 4 năm 2022.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214.289.554.252	224.017.465.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.535.840.964	2.904.736.059
Tiền	111		31.535.840.964	2.904.736.059
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		125.000.000.000	165.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		125.000.000.000	165.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.828.841.878	16.144.973.176
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7.972.528.935	10.567.023.765
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		721.792.395	478.350.188
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		7.070.709.483	10.038.788.158
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.936.188.935)	(4.939.188.935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		44.324.815.725	39.481.928.002
Hàng tồn kho	141		44.324.815.725	39.481.928.002
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.600.055.685	485.828.253
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.092.559.977	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		465.755.080	466.341.934
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		41.740.628	19.486.319
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.469.636.391	161.702.155.462
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85.602.605.897	87.894.009.119
Tài sản cố định hữu hình	221		85.602.605.897	87.894.009.119
Nguyên giá	222		169.211.318.349	169.211.318.349
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.608.712.452)	(81.317.309.230)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.000.000)	(340.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.414.159.525	40.260.050.377
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		41.414.159.525	40.260.050.377
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.311.175.704	27.311.175.704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.811.175.704	26.811.175.704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	500.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.141.695.265	6.236.920.262
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.141.695.265	6.236.920.262
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		372.759.190.643	385.719.620.952
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.923.794.167	47.051.269.265
I. Nợ ngắn hạn	310		21.595.662.796	38.051.269.265
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.690.038.614	539.976.029
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.207.323.395	1.178.996.800
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		4.115.538.023	1.428.937.827
Phải trả người lao động	314		2.013.651.447	7.154.391.914
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		50.000.000	175.984.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.734.419.448	14.994.035.826
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		6.784.691.869	12.578.946.869
Quỹ bình ỏ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.328.131.371	9.000.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		9.328.131.371	9.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		341.835.396.476	338.668.351.687
I. Vốn chủ sở hữu	410		341.835.396.476	338.668.351.687
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95.474.011.654	95.474.011.654
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.861.384.822	50.694.340.033
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.424.457.932	11.424.457.932
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.436.926.890	39.269.882.101
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		372.759.190.643	385.719.620.952


TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mã số	Thuyết minh	Quý 01		Năm trước		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	VND	Năm trước	VND	Năm nay	Năm trước
			VND		VND		VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.748.479.700		14.901.339.703		14.748.479.700	14.901.339.703
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-		-		-	-
10	Doanh thu thuần	14.748.479.700		14.901.339.703		14.748.479.700	14.901.339.703
11	Giá vốn hàng bán	11.182.957.758		11.682.736.507		11.182.957.758	11.682.736.507
20	Lợi nhuận gộp	3.565.521.942		3.218.603.196		3.565.521.942	3.218.603.196
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.180.516.569		5.786.869.765		2.180.516.569	5.786.869.765
22	Chi phí tài chính	-		-		-	-
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-		-		-	-
24	Chi phí bán hàng	456.815.309		4.148.000		456.815.309	4.148.000
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.443.528.969		1.409.915.136		1.443.528.969	1.409.915.136
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.845.694.233		7.591.409.825		3.845.694.233	7.591.409.825
31	Thu nhập khác	99.730.648		377.673.189		99.730.648	377.673.189
32	Chi phí khác	185.391.103		274.991.103		185.391.103	274.991.103
40	Lợi nhuận khác	(85.660.455)		102.682.086		(85.660.455)	102.682.086
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.760.033.778		7.694.091.911		3.760.033.778	7.694.091.911
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	592.988.989		799.379.138		592.988.989	799.379.138
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-		13.000.000		-	13.000.000
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.167.044.789		6.881.712.773		3.167.044.789	6.881.712.773
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	165		357		165	357
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	165		165		165	357



TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.760.033.778	7.694.091.911
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.291.403.222	1.788.699.866
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(3.000.000)	(65.000.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.685.055.543)	(5.810.744.765)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.363.381.457	3.607.047.012
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		2.088.082.041	741.113.190
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.842.887.723)	4.952.259.698
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(9.042.069.596)	877.929.822
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		2.665.020	(1.795.284.744)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.380.973.826)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.794.255.000)	(2.824.781.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.606.057.627)	5.558.283.626
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.154.109.148)	(4.475.606.656)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	23.875.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		40.000.000.000	35.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.412.152.680	5.401.522.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.258.043.532	(24.050.209.112)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.881.000)	(87.708.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.881.000)	(87.708.750)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		28.631.104.905	(18.579.634.236)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		2.904.736.059	22.514.405.476
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		31.535.840.964	3.934.771.240



TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Xi nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

0010
NG T
PH
O S
G NH
RIA

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

0424C
Y
V
I
T
VŨNG T

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhон	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm		Đầu năm
- Tiền mặt	274.890.469		248.589.743
- Tiền gửi ngân hàng	31.260.950.495		2.656.146.316
- Các khoản tương đương tiền			
Tổng cộng:	31.535.840.964		2.904.736.059

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	161.088.443		161.088.443
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	23.527.725		23.527.725
Tại quỹ NTCS Phong Phú	1.313.831		1.313.831
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	85.201.400		85.201.400
Tại quỹ Đội NN UĐCNC Thống Nhất 2	3.759.070		3.759.070
Tổng cộng:	274.890.469		274.890.469

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	3.076.614.423		3.076.614.423
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	7.038.129		7.038.129
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	234.927		234.927
BIVDBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2.643.413		2.643.413
Sacombank - CN huyện Châu Đức	22.735.729.461		22.735.729.461
Agribank - CN huyện Châu Đức	37.453.198		37.453.198
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR - VT	5.401.236.944		5.401.236.944
Tổng cộng:	31.260.950.495	-	31.260.950.495

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-		8.000.000.000
Tổng cộng:	-		8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	125.000.000.000	125.000.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	125.000.000.000	125.000.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng cộng (b1+b2)	125.000.000.000	125.000.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.972.528.935	4.618.368.935	10.567.023.765	4.621.368.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Lệ	90.000		5.082.000.000	
Ông Lê Trung Hòa	97.500		20.730.500	
Ông Trần Tuấn Thành	767.971.500		666.867.830	
Công ty TNHH SX TMDV XNK Minh Quyền	-		44.000.000	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	2.586.001.000		132.056.500	
Các khách hàng là Đại lý bán cám	519.188.935	519.188.935	522.188.935	522.188.935
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	7.972.528.935	4.618.368.935	10.567.023.765	4.621.368.935

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	721.792.395	478.350.188
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	82.500.000
Công ty TNHH TMDV Văn Khanh		22.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Công ty Cổ Phần Lốp Xe Việt			8.600.000
Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT	10.500.000		10.500.000
Trả tiền vật tư, nguyên liệu	60.792.395		14.350.188
Công ty CP Công nghệ sinh học cây giống VN	63.000.000		-
Hoàng Thị Thu Lý	165.000.000		-
b) Trả trước cho người bán dài hạn			
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan			
Tổng cộng:	721.792.395		478.350.188

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.070.709.483	317.820.000	10.038.788.158	317.820.000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	170.575.131		118.322.998	
Phải thu thuế TNCN người lao động	286.481.019		133.967.894	
Lãi tiền gửi phải thu	6.075.633.333		9.307.269.444	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	115.200.000		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác			38.407.822	
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	7.070.709.483	317.820.000	10.038.788.158	317.820.000

6. Dự phòng phải thu khó đòi		Cuối năm		Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		4.936.188.935		4.939.188.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh		4.417.000.000		4.417.000.000
Dương Thị Yến		53.000.000		53.000.000
Lê Ngọc Tùng		18.364.340		21.364.340
Dương Minh Chiến		35.379.160		35.379.160
Nguyễn Văn Phước		6.550.000		6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ		59.115.235		59.115.235
TT Khuyến Nông		8.320.000		8.320.000
Nguyễn Thanh Tự		58.300.000		58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước		2.933.500		2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng		246.776.700		246.776.700
Nguyễn Thanh Quang		10.450.000		10.450.000
Dương Văn Lợi		20.000.000		20.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-		-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan		-		-
Tổng cộng:		4.936.188.935		4.939.188.935
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4.242.826.202		4.390.411.578	
- Công cụ, dụng cụ	1.126.747.523		1.145.242.572	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.011.171.737		12.239.516.010	-
- Thành phẩm	20.944.070.263		21.706.757.842	
- Hàng hoá		-	-	-
Tổng cộng:	44.324.815.725	-	39.481.928.002	

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	-
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	41.414.159.525	-	40.260.050.377	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	1.958.061.214		1.871.284.068	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	39.377.059.133		38.309.727.131	
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	79.039.178		79.039.178	
Tổng cộng:	41.414.159.525	-	40.260.050.377	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

11 .Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	64.272.198.394	23.624.310.689	6.980.542.080	757.850.894	73.916.416.292	169.551.318.349
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	64.272.198.394	23.624.310.689	6.980.542.080	757.850.894	73.916.416.292	169.551.318.349
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	39.625.582.083	19.980.207.171	4.580.052.892	729.169.075	16.742.298.012	81.657.309.233
- Khấu hao trong năm	888.354.146	307.220.545	162.987.155	2.151.136	930.690.240	2.291.403.222
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	40.513.936.229	20.287.427.716	4.743.040.047	731.320.211	17.672.988.252	83.948.712.455
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	24.646.616.311	3.644.103.518	2.400.489.188	28.681.819	57.174.118.280	87.894.009.116
- Tại ngày cuối năm	23.758.262.165	3.336.882.973	2.237.502.033	26.530.683	56.243.428.040	85.602.605.897

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				-
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	3.880.098.957	1.787.538.980	2.092.559.977
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	-	1.093.733.354	478.430.100	615.303.254
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	-	1.697.525.000	391.885.000	1.305.640.000
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	-	476.803.458	218.960.280	257.843.178
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	-	612.037.145	698.263.600	(86.226.455)
b. Chi phí trả trước dài hạn	6.236.920.262	50.909.091	2.146.134.088	4.141.695.265
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	6.236.920.262	50.909.091	2.146.134.088	4.141.695.265
Tổng cộng:	6.236.920.262	3.931.008.048	3.933.673.068	6.234.255.242

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	465.755.080	466.341.934
- Thuế GTGT được khấu trừ	465.755.080	466.341.934
b) Dài hạn	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tổng cộng:	465.755.080	466.341.934

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.690.038.614	1.690.038.614	539.976.029	539.976.029
Nguyễn thị Thu Hồng	-	-	73.039.468	73.039.468
Bùi thị Tuyết Nhung	-	-	30.771.012	30.771.012
Công ty TNHH Cách Nhiệt Hà Bắc	125.400.000	125.400.000	103.740.000	103.740.000
Công ty TNHH SX TM DV XNK Minh Quyền	403.100.000	403.100.000	238.450.000	238.450.000
Công ty TNHH SX DV Hoàng Nguyên	56.700.000	56.700.000	-	-
Công ty TNHH TMDV Xây Dựng Hòa Phát Đạt	67.387.141	67.387.141	-	-
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa	120.900.000	120.900.000	-	-
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	209.885.713	209.885.713	48.438.096	48.438.096
Công ty TNHH TM DV XNK Vạn Đạt	108.265.760	108.265.760	-	-
Công ty TNHH Tuấn Vũ	598.400.000	598.400.000	-	-
Huỳnh thị Mỹ Dung			45.537.453	45.537.453
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Nguyễn Thị Hồng Lệ	-	180.000.000
Công ty TNHH TM & DV Ngọc Bửu	-	340.592.000
Văn Hùng Cường	18.740.000	-
Hợp tác trồng mỳ - Ông Lưu	465.317.000	-
Công ty TNHH SX TM Bảo Nhiên	2.747.658.905	-
Công ty TNHH Vĩnh Đại Phát	264.000.000	-
Tiền phải thu từ khách hàng khác	79.007.490	25.804.800
Tổng cộng:	4.207.323.395	1.178.996.800

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	411.344.651	135.374.858	275.969.793
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.380.973.826	605.288.989	1.380.973.826	592.988.989
Thuế thu nhập cá nhân (*)	46.635.040	192.674.125	281.049.793	(41.740.628)
Thuế tài nguyên	1.328.960	1.638.400	2.516.800	450.560
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(19.486.319)	3.265.615.000	-	3.246.128.681
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Tổng cộng:	1.409.451.507	4.484.561.165	1.807.915.277	4.073.797.395
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	19.486.319	-		41.740.628
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.389.965.188	-		4.115.538.023

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	2.013.651.447	7.154.391.914
Tổng cộng:	2.013.651.447	7.154.391.914

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	50.000.000	175.984.000
Tiền ăn giữa ca		
- Đới cao su Phong Phú		15.702.000
- NTCS Hòa Bình		97.192.000
- Nhà máy CBM Bàu Non		13.090.000
Chi phí kiểm toán BCTC	50.000.000	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

b) Dài hạn	50.000.000	175.984.000
Tổng cộng:	50.000.000	175.984.000

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.734.419.448	14.994.035.827
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Công ty TNHH Minh Anh	37.550.000	37.550.000
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Cơ khí Thanh Hào	367.049.706	61.679.750
Công ty TNHH Vinh Đại Phát	264.000.000	-
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	174.775.300	174.775.300
Công ty TNHH Kyzuna MTV BRVT	-	12.513.742.673
Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền	-	328.131.371
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.306.924.468	1.327.805.468
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác	41.617.822	7.849.113
b) Dài hạn	9.328.131.371	9.000.000.000
- Lãi vay	-	-
Công ty TNHH SX TM DV Minh Quyền	9.328.131.371	9.000.000.000
Tổng cộng:	12.062.550.819	23.994.035.827

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-------------------------------------	-------------------	-------------------

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.003.748.450		2.572.200.000	4.431.548.450
Quỹ phúc lợi	5.431.198.419		3.078.055.000	2.353.143.419
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều	144.000.000		144.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

hành công ty				
Tổng cộng:	12.578.946.869		5.794.255.000	6.784.691.869

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	22.975.515.092	307.433.151.251
- Lãi trong năm nay			45.296.101.000	45.296.101.000
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	68.271.616.092	352.729.252.251
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	95.474.011.654	56.720.558.932	344.694.570.586
- Lãi trong năm nay			42.436.926.890	42.436.926.890
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(6.652.101.000)	(6.652.101.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(144.000.000)	(144.000.000)
- Chia cổ tức			(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	95.474.011.654	53.861.384.822	341.835.396.476

	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000		94.325.000.000
Cộng	192.500.000.000		192.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	7.201.700.000	9.884.466.000	7.201.700.000	9.884.466.000
Doanh thu gia công mũ cao su	859.805.800	-	859.805.800	-
Doanh thu mũ SVR thu mua chế biến	-	169.065.000	-	169.065.000
Doanh thu bán chuối xen canh	-	76.774.480	-	76.774.480
Doanh thu bán chuối	6.686.973.900	4.728.334.655	6.686.973.900	4.728.334.655
Doanh thu bán mít	-	20.517.750	-	20.517.750
Doanh thu khác	-	22.181.818	-	22.181.818
Tổng cộng	14.748.479.700	14.901.339.703	14.748.479.700	14.901.339.703

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
Tổng cộng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

3. Giá vốn hàng bán:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	5.013.131.385	7.495.497.172	5.013.131.385	7.495.497.172
Giá vốn mũ thu mua chế biến	-	149.041.011	-	149.041.011
Giá vốn chuối xen canh	-	62.415.000	-	62.415.000
Giá vốn bán chuối	5.422.562.236	3.927.883.542	5.422.562.236	3.927.883.542
Giá vốn bán mít	-	11.854.150	-	11.854.150
Giá vốn gia công mũ cao su	747.264.137		747.264.137	
Giá vốn khác	-	36.045.632	-	36.045.632
Tổng cộng	11.182.957.758	11.682.736.507	11.182.957.758	11.682.736.507
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
Tổng cộng	11.182.957.758	11.682.736.507	11.182.957.758	11.682.736.507

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.180.516.569	2.897.788.258	2.180.516.569	2.897.788.258
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.889.081.507	-	2.889.081.507
Tổng cộng	2.180.516.569	5.786.869.765	2.180.516.569	5.786.869.765

5. Chi phí tài chính:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	-	-	-
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng	-	-	-	-

6. Chi phí bán hàng:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí bốc xếp mũ cao su và vật tư đóng chuối	5.418.000	4.148.000	5.418.000	4.148.000
Chi phí vật tư đóng chuối thành phẩm	451.397.309		451.397.309	
Tổng cộng	456.815.309	4.148.000	456.815.309	4.148.000

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.083.873.259	1.055.708.149	1.083.873.259	1.055.708.149
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	96.187.489	96.187.489	96.187.489
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.392.917	6.395.720	10.392.917	6.395.720
Chi phí trợ cấp mất việc làm		7.860.000		7.860.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	253.075.304	305.763.778	253.240.568	305.763.778
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(3.000.000)	(65.000.000)	(3.000.000)	(65.000.000)
Tổng cộng	1.443.528.969	1.409.915.136	1.443.528.969	1.409.915.136
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý	-	-	-	-
Tổng cộng	1.443.528.969	1.409.915.136	1.443.528.969	1.409.915.136

8. Thu nhập khác	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su gãy đổ)	-	23.875.000	-	23.875.000
Thu từ bán mũ bọt nhà máy, chuối thứ phẩm	-	5.580.000	-	5.580.000
Thu khác	99.730.648	348.218.189	99.730.648	348.218.189
Tổng cộng	99.730.648	377.673.189	99.730.648	377.673.189

9. Chi phí khác	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	184.391.103	184.391.103	184.391.103	184.391.103
Chi phí khác	1.000.000	90.600.000	1.000.000	90.600.000
Tổng cộng	185.391.103	274.991.103	185.391.103	274.991.103

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.167.044.789	6.881.712.773	3.167.044.789	6.881.712.773
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	3.167.044.789	6.881.712.773	3.167.044.789	6.881.712.773
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	165	357	165	357

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.834.965.682	1.986.261.737	4.834.965.682	1.986.261.737
- Chi phí công cụ dụng cụ	604.148.616	338.334.374	604.148.616	338.334.374

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

- Chi phí nhân công	4.795.815.812	4.866.593.772	4.795.815.812	4.866.593.772
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.985.208.848	963.419.378	2.985.208.848	963.419.378
- Chi phí khác bằng tiền	4.876.190.944	4.265.047.855	4.876.190.944	4.265.047.855
Cộng	18.096.329.902	12.469.657.116	18.096.329.902	12.469.657.116

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban Tổng Giám đốc. thực nhận trong kỳ.*

Thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị. Ban kiểm toán nội bộ. thư ký HĐQT.	08	126.000.000	-		126.000.000
- Ban Giám đốc	03	270.000.000	144.000.000	-	414.000.000
Cộng		396.000.000	144.000.000		540.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1 Khoản 1. Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (đồng)
- Công ty bán cây cao su gây đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: **Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là:**

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non. Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
			Đội Thống Nhất 1	Đội Thống Nhất 2	Tổng Cộng
1. Doanh thu thuần	8.061.505.800	-	-	6.686.973.900	14.748.479.700
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
3. Khấu hao	1.272.796.340	184.391.103	375.707.642	458.508.137	2.291.403.222
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.947.019.423			813.014.355	3.760.033.778
5. Tổng CP đã phát sinh để mua TSCĐ					
6. Tài sản bộ phận	327.502.940.480	1.169.760.991	21.260.609.429	22.825.879.743	372.759.190.643
7. Tài sản không phân bổ					-
Tổng Tài sản	327.502.940.480	1.169.760.991	21.260.609.429	22.825.879.743	372.759.190.643
8. Nợ phải trả bộ phận	29.354.655.553		470.487.141	1.098.651.473	30.923.794.167
9. Nợ phải trả không bộ phận					-
Tổng Nợ phải trả	29.354.655.553	-	470.487.141	1.098.651.473	30.923.794.167

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Kế toán trưởng /người lập bảng


Trần Hữu Trí

Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc


Nguyễn Nhật Thành Lâm